UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1611/BC-SCT

Quảng Trị, ngày 20 tháng 10 năm 2017

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI THÁNG 10 NĂM 2017

I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại:

1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp:

1.1. Chỉ số, giá trị sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 10/2017 đạt mức tăng khá cao (+20,92%) so với tháng trước. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 21,06%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 39,91%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 10,58%. Riêng ngành công nghiệp khai khoáng giảm 8,52%.

Trong 10 tháng đầu năm 2017 sản xuất công nghiệp khá thuận lợi, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 15,5% so với cùng kỳ năm 2016, cao hơn nhiều so mức tăng cùng kỳ năm trước (10 tháng năm 2016 tăng 9,31%); Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 16,49%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 20,27%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,53%. Riêng công nghiệp khai khoáng giảm 1,11% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu có mức tăng cao so với tháng cùng kỳ năm trước như: Săm xe các loại tăng 47,54%; lốp xe các loại tăng 32,08%; xi măng tăng 39,1%; tấm lợp pro xi măng tăng 31,29%; điện sản xuất tăng 30,56%; đá xây dựng tăng 10,6%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm chững lại và giảm như: Dăm gỗ giảm 20,17%; điện thương phẩm giảm 8,16%; dầu nhựa thông giảm 2,17%; gỗ cưa, gỗ xẻ giảm 2,13%; Quặng zircon và tinh quặng zircon giảm 0,31% so với tháng cùng kỳ năm trước.

2. Lĩnh vực thương mại, dịch vụ và giá cả:

2.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 10/2017 ước đạt 2.089,33 tỷ đồng, tăng 1,72% so với tháng trước và tăng 14,4% so với tháng cùng kỳ năm trước[1].

[1] Trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 1.766,92 tỷ đồng, tăng 1,81% so với tháng trước và tăng 14,58% so với tháng cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 232,38 tỷ đồng, tăng 1,15% so với tháng trước và tăng 14,39% so với tháng cùng kỳ năm trước; doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 2,45 tỷ đồng, giảm 1,63% so với tháng trước và tăng 5,01% so với tháng cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 89,57 tỷ đồng, tăng 1,56% so với tháng trước và tăng 11,13% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính từ đầu năm 2017, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 20.269,08 tỷ đồng, tăng 12,85% so với cùng kỳ năm trước[2], đạt 81,1% so với kế hoạch năm 2017.

2.2. Chỉ số giá tiêu dùng:

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10/2017 có mức tăng nhẹ (+0,13%) so tháng trước, tăng 1,47% so với tháng 12 năm trước và tăng 2,21% so với tháng cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 10 tháng đầu năm 2017, tăng 4,8% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương

- Hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh xem xét Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch và tham mưu tổ chức Hội nghị công bố công khai Quy hoạch phân khu xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị giai đoạn 1, tỷ lệ 1/2000; Hoàn thành việc bàn giao hồ sơ Quy hoạch phân khu để phục vụ công tác quản lý Đồ án theo Quy hoạch.

- Tham mưu UBND tỉnh thành lập Tổ đàm phán hợp đồng thuê đất dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1; Làm việc và đề xuất Phòng Công nghiệp &Thương mại (VCCI) Đà Nẵng về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; Ban hành phân công thực hiện Kế hoạch của Sở Công Thương thực hiện bản cam kết với Chủ tịch UBND tỉnh về việc nâng cao chỉ số dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp.

- Tham mưu UBND tỉnh đề xuất chủ trương đầu tư các dự án chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh; Tổ chức nghiệm thu Đề án khoa học về giải pháp phát triển ngành công nghiệp sản xuất, chế biến gỗ và giải pháp phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn chỉnh hồ sơ, trình UBND tỉnh ngừng, điều chuyển hỗ trợ Đề án khuyến công tỉnh xin đợt 2 năm 2017; Thực hiện Chỉ thị số 12/CT-BCT ngày 25/9/2017 và triển khai Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31/8/2017 Bộ Công Thương; Chuẩn bị nội dung tổ chức họp rà soát quy hoạch, phát triển cụm công nghiệp đến năm 2020.

- Đôn đốc đơn vị tư vấn tiếp thu và hoàn chỉnh Quy hoạch phát triển điện mặt trời đến năm 2025; Triển khai các biện pháp giảm thời gian tiếp cận điện năng theo Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP của Chính phủ.

- Tham mưu đề xuất UBND tỉnh bổ sung khối lượng đầu tư xây dựng dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh; Hướng dẫn việc giao nhận quản lý vận hành hệ thống cấp điện cho huyện đảo Cồn Cỏ.

- Triển khai thực hiện Thông báo kết luận của UBND tỉnh về an toàn hồ đập công trình thủy điện trên địa bàn. Tham mưu khảo sát, lập hồ sơ bổ sung quy hoạch dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh.

- Tổng hợp, rà soát quy hoạch chợ trên địa bàn tỉnh; Triển khai thực hiện Quy định về quy trình chuyển đổi mô hình quản lý và kinh doanh khai thác chợ trên địa bàn tỉnh và Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với hoạt động bán hàng đa cấp.

---

[2] Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 17.238,6 tỷ đồng, tăng 12,63%; dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 2.154,93 tỷ đồng, tăng 15,26%; dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch 26,98 tỷ đồng, tăng 9,61%; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 848,57 tỷ đồng, tăng 11,38% so với cùng kỳ năm trước.

- Trình UBND tỉnh xem xét Quy chế về trách nhiệm và quan hệ phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; Tổ chức rà soát, đánh giá trách nhiệm các thành viên Đoàn kiểm tra liên ngành theo Quyết định số 121/QĐ-SCT ngày 13/9/2017; Ban hành văn bản hướng dẫn đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng trên địa bàn.

- Tổ chức Đoàn giao thương xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy hải tại các tỉnh nước bạn Lào; Hội thảo Hợp tác phát triển thương mại điện tử giữa 3 tỉnh 3 nước tại tỉnh Savannakhet, CHDCND Lào. Chuẩn bị công tác phối hợp tổ chức Hội nghị kết nối Việt Nam – Singapore.

- Trình UBND tỉnh Phương án tổ chức gian triển lãm giới thiệu của tỉnh Quảng Trị trong khuôn khổ APEC CEO Summit 2017 tại Đà nẵng.

- Triển khai phổ biến Luật Quản lý ngoại thương 2017; Triển khai thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 -2020; Triển khai các thủ tục hợp tác với dự án Plan; Trình UBND tỉnh Đề án phát triển xuất khẩu hàng hóa tỉnh Quảng Trị đến năm 2020.

- Chuẩn bị nội dung thanh tra việc thực hiện quy trình nghiệp vụ tại các đội Quản lý thị trường theo Quyết định số 177/QĐ-SCT ngày 15/12/2016 của Sở Công Thương. Báo cáo giải quyết, giải trình ý kiến, kiến nghị của cử tri Kỳ họp thứ 5, khóa VII theo chỉ đạo UBND tỉnh.

- Hoàn chỉnh Chương trình kiểm tra công tác cải cách hành chính, tổ chức đánh giá nội bộ và theo dõi tình hình thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch UBND giao trên Hệ thống phần mềm của tỉnh năm 2017. Báo cáo tình hình thực hiện Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động quản lý nhà nước; Báo cáo công tác theo dõi thi hành pháp luật và công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2017. Tổng hợp danh mục văn bản quy phạm pháp luật trên lĩnh vực công nghiệp thương mại từ 01/10/2016 - 30/9/2017.

- Hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh thông qua phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở; Khảo sát mức độ hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính công; Triển khai Kế hoạch duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng ISO của Sở.

- Làm việc với Đoàn khảo sát của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, khóa VIII về "Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước". Triển khai thực hiện quy trình bổ nhiệm lại cán bộ thuộc Trung tâm Khuyến công &Xúc tiến thương mại tỉnh.

III. Một số công tác trọng tâm tháng 11 năm 2017

- Hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1; Hoàn chỉnh các Đề án khoa học được UBND tỉnh giao năm 2017. Hoàn thiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai Đoàn liên ngành kiểm tra về tình hình bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; Kiểm tra về kỹ thuật an toàn công nghiệp tại các

doanh nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương trên địa bàn tỉnh.

- Chuẩn bị nội dung, làm việc với Sở Tài chính về nguồn kinh phí và mức chi triển khai Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh giai đoạn 2018-2022 để trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tổng hợp, chuẩn bị nội dung tổ chức họp bàn về rà soát quy hoạch, phát triển cụm công nghiệp đến năm 2020 và công nhận các cụm công nghiệp làng nghề trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng, ban hành Quyết định Quy định về việc xử lý công trình xây dựng vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp trên địa bàn tỉnh. Đôn đốc kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị số 34/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị 06/CT-UBND của UBND tỉnh về tăng cường tiết kiệm điện.

- Lập thiết kế thi công gói thầu 4 thuộc Dự án cấp điện nông thôn trình UBND tỉnh phê duyệt. Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện đầu tư các dự án phát triển năng lượng tái tạo.

- Tiếp tục triển khai Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với việc thực hiện cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam". Xây dựng Đề án Quy định một số chính sách khuyến khích thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thương mại tỉnh giai đoạn 2017-2025.

- Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai các hoạt động tăng cường công tác an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh.

- Chuẩn bị nội dung tổ chức Hội đàm ngành Công Thương 2 tỉnh Quảng Trị và Savannakhet (CHDCND Lào); Triển khai thực hiện gian Triển lãm trong khuôn khổ APEC CEO Summit tại Đà nẵng.

- Triển khai kế hoạch hợp tác giữa Plan Quảng Trị và Sở Công Thương; Làm việc với Đoàn công tác Bộ Công Thương về tiến độ thực hiện Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia năm 2017.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức Đoàn kiểm tra hoạt động khuyến mại năm 2017; Đôn đốc thực hiện và hoàn thành các đề án thuộc chương trình phát triển thương mại điện tử của tỉnh và quốc gia năm 2017.

- Xây dựng Kế hoạch thanh tra; kiểm tra năm 2018; Tổ chức thanh tra việc thực hiện quy trình nghiệp vụ kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính của các Đội thuộc Chi cục Quản lý thị trường.

- Tham mưu xây dựng Chương trình công tác trọng tâm năm 2018; Chuẩn bị nội dung tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính của Sở; Triển khai các hoạt động duy trì, đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

- Rà soát, công khai các quy định, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở. Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chỉ số cải cách hành chính năm 2017.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp - thương mại, công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 10 năm 2017 và một số nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 11 năm 2017; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh, các Sở, ban ngành liên quan./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CTĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Quân Chính;
- Sở KH & ĐT; Cục Thống kê Quảng Trị;
- GĐ, các PGĐ Sở;
- Các Phòng thuộc Sở, TTKC, Chi cục QLTT;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ CÔNG THƯƠNG
TỈNH QUẢNG TRỊ

Lê Quang Vĩnh

Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị
Đơn vị nhận b/c: - UBND tỉnh Quảng Trị;
- Vụ Kế hoạch (BCT)

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH QUẢNG TRỊ

Biểu số 01/SCT-BCT
Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI
Tháng 10 và 10 tháng năm 2017

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=2/1*	*7=2/4*	*8=3/5*
I	***Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu***	**Sản phẩm**								
1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	*Tấn*	394	582	2625	574	2725	147,72%	101,39%	96,33%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	*Tấn*	984,00	952	4652	955	5297	96,75%	99,69%	87,82%
3	Đá xây dựng	*M3*	63267	64968	691414	58741	656965	102,69%	110,60%	105,24%
4	Tinh bột sắn	*Tấn*	7299	8685	89799	8414	82796	118,99%	103,22%	108,46%
5	Bia lon	*1000 lít*	2348	2000	18869	1841	14717	85,18%	108,64%	128,21%
6	Nước hoa quả, tăng lực	*1000 lít*	1122	1090	10391	1034	9276	97,12%	105,42%	112,02%
7	Bộ com-lê, quần áo	*1000 cái*	645,00	685	3331	639,00	2500,00	106,20%	107,20%	133,24%
8	Gỗ cưa, gỗ xẻ	*M3*	11972,00	12283	72308	12550,00	72032,00	102,60%	97,87%	100,38%
9	Dăm gỗ	*Tấn*	38920	40313	222502	50500	198977	103,58%	79,83%	111,82%
10	Ván ép từ gỗ và các vật liệu tương tự	*M3*	16320	18000	176129	17826	109542	110,29%	100,98%	160,79%
11	Dầu nhựa thông	*Tấn*	92	90	1071	92	1187	97,83%	97,83%	90,23%
12	Phân hoá học (NPK)	*Tấn*	5324	5805	49153	5629	35550	109,03%	103,13%	138,26%
13	Lốp xe các loại	*1000 cái*	220	210	1718	159	1387	95,45%	132,08%	123,86%
14	Săm xe các loại	*1000 cái*	525	520	4102	352	3530	99,05%	147,54%	116,19%
15	Gạch xây	*1000 viên*	12775	12459	129210	11454	130631	97,53%	108,77%	98,91%
16	Tấm lợp pro xi măng	*1000 m2*	416	407	4117	310	4229	97,84%	131,29%	97,35%
17	Xi măng	*Tấn*	23709	23300	258600	16750	242477	98,27%	139,10%	106,65%
18	Điện sản xuất	*Triệu KWh*	45	47	419	36	283	104,44%	130,56%	148,06%
19	Điện thương phẩm	*Triệu KWh*	42	45	456	49	450	107,14%	91,84%	101,33%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=2/1*	*7=2/4*	*8=3/5*
20	Nước máy	*1000 m3*	1123	1100	10144	1039	9725	97,95%	105,87%	104,31%
II	**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ**	**Tỷ đồng**	**2053,97**	**2089,33**	**20269,08**	**1826,27**	**17961,85**	**101,72%**	**114,40%**	**112,85%**
1	**Doanh thu bán lẻ hàng hóa**	**Tỷ đồng**	**1735,51**	**1766,92**	**17238,60**	**1541,93**	**15305,79**	**101,81%**	**114,58%**	**112,63%**
	Phân theo loại hình kinh tế	**Tỷ đồng**								
1.1	Kinh tế Nhà nước	"	203,54	207,70	1739,00	179,51	1519,97	102,04%	115,70%	114,41%
1.2	Kinh tế Tập thể	"	0,00	0,00	0,75	-	0,75	-	-	99,07%
1.3	Kinh tế Cá thể	"	956,21	968,48	9986,59	843,99	8942,95	101,28%	114,75%	111,67%
1.4	Kinh tế Tư nhân	"	575,76	590,75	5512,27	518,43	4842,12	102,60%	113,95%	113,84%
1.5	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	"	-	-	-	-	-	-	-	-
2	**Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ**		**318,46**	**322,40**	**3030,48**	**284,34**	**2656,06**	**101,24%**	**113,39%**	**114,10%**
2,1	**Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)**	**Tỷ đồng**	**230,26**	**232,83**	**2181,90**	**203,74**	**1894,19**	**101,12%**	**114,28%**	**115,19%**
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		227,78	230,38	2154,93	201,41	1869,57	101,15%	114,39%	115,26%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	2,49	2,45	26,98	2,33	24,61	98,37%	105,01%	109,61%
2,2	**Doanh thu hoạt động dịch vụ khác**	"	**88,20**	**89,57**	**848,57**	**80,60**	**761,87**	**101,56%**	**111,13%**	**111,38%**

SỞ CÔNG THƯƠNG

Biểu 02/SCT

CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
Tháng 10 và 10 tháng năm 2017

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 9/2017		Tháng 10/2017			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 10/2017 so với tháng 10/2016
	So với tháng bình quân năm 2010	So với tháng 9 năm 2016	So với tháng bình quân năm 2010	So với tháng 9/2017	So với tháng 10/2016	
A	1	2	3	4	5	6
Toàn ngành	**129,17**	**111,89**	**139,76**	**108,19**	**120,92**	**115,50**
1. Công nghiệp khai khoáng	82,07	92,80	81,70	99,56	91,48	99,89
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	136,94	112,67	149,79	109,38	121,06	116,49
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	128,29	118,70	137,66	107,31	139,91	120,27
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	108,65	108,67	108,85	100,18	110,58	104,53